

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 22/3/2018.

V/v tranh chấp: “Chia tài sản sau
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Thẩm phán:

Ông Hà Huy Hùng;

Ông Lê Thanh Hùng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/HNGĐ-PT ngày 03/01/2018 về việc: “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐPT ngày 16/01/2018 giữa:

1. *N đơn:* Chị Nguyễn Thị C1, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, phố 2, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đức L, sinh năm 1973 (có mặt).

HKTT: Tổ 1, phố 2, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Nam Yên, xã Hải Yên, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

3. *Người kháng cáo:* Anh Lê Đức L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2017 và quá trình giải quyết tại Tòa án, N đơn chị Nguyễn Thị C1 trình bày:

Chị và anh Lê Đức L tự nguyện kết hôn năm 1997, do cuộc sống không hạnh phúc nên chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện Lang Chánh giải quyết về hôn nhân và con chung, về tài sản chị và anh L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 17/3/2017, TAND huyện Lang Chánh đã ra Quyết định số 15/2017/QĐST-HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của vợ chồng,

nhưng sau đó giữa chị và anh L không tự thỏa thuận phân chia được tài sản nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung giữa chị và anh L gồm: 01 thửa đất số 28, tờ bản đồ số 12, diện tích 176m², tại Tổ 1, phố 2, thị trấn Lang Chánh, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên Lê Đức L, trị giá đất 264.000.000đ. Trên đất có ngôi nhà cấp bốn xây năm 2005, diện tích sử dụng khoảng 72m², trị giá nhà 236.000.000đ. Tổng trị giá nhà + đất 500.000.000đ.

Chị yêu cầu được chia toàn bộ nhà và đất để nuôi con, chị sẽ thanh toán 1/2 giá trị tài sản cho anh L số tiền là 250.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị C1 trình bày: thửa đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Lang Chánh cấp GCNQSDĐ mang tên chị ngày 10/11/2002, với diện tích 200 m², ngày 30/12/2002 chị đã chuyển nhượng cho anh Hà Văn Việt 96m², diện tích đất ở hiện tại chỉ còn 104m² và đất khác 43m². Do không nhớ nên trong đơn khởi kiện chị khai diện tích đất ở 176m² và GCNQSDĐ mang tên anh L là không đúng.

- *Tại văn bản ý kiến ngày 22/6/2017, bản tự khai ngày 13/7/2017, bản tự khai ngày 25/7/2017, bị đơn anh Lê Đức L trình bày:*

Số tài sản chị C1 yêu cầu Tòa án giải quyết là chưa đầy đủ, anh yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân phải gồm 03 mảnh đất:

+ Mảnh thứ nhất đã làm nhà ở tại Tổ 1, phố 2, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh chị C1 đang yêu cầu giải quyết;

+ Mảnh thứ hai ở xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia do bố mẹ anh là ông Lê Đức N thừa kế cho anh và chị C1;

+ Mảnh thứ ba vợ chồng mua của ông Nguyễn Trọng K1 (Bố đẻ chị C1) tại tổ 1, phố 1, thị trấn Lang Chánh,

Ngoài ra anh còn yêu cầu chị C1 phải chịu trách nhiệm đối với số tiền nợ chung trong thời kỳ hôn nhân gồm: nợ ông Lê Đức N (Bố đẻ của anh) 50.000.000đ; nợ Ngân hàng nông nghiệp huyện Lang Chánh 50.000.000đ.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 25/9/2017 xác định:

01 mảnh đất tại thửa số 28, tờ bản đồ số 12 (Tổ 1, phố 2, thị trấn Lang Chánh), diện tích 147m², trong đó: đất ở 104m² x 1.500.000đ/m² = 156.000.000đ; đất khác 43m² x 12.000đ/m² = 516.000đ. Trị giá đất: 156.516.000đ. Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà mái bằng xây dựng năm 2005, diện tích sử dụng 91m² trị giá 148.129.800đ; công trình vệ sinh 7,26m² trị giá 5.227.000đ.

Tổng trị giá nhà và đất: 309.873.000đ (ba trăm lẻ chín triệu tám trăm bảy ba ngàn đồng).

Tại bản án sơ thẩm số 07/2017/DSST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh đã Quyết định:

Căn cứ : Điều 33; Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1, khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị C1, giao chị C1 được sở hữu, sử dụng tài sản gồm:

+ 01 thửa đất diện tích $104m^2$ đã có GCNQSDĐ mang tên chị Nguyễn Thị C1; phía Đông giáp đường 15A dài 7m; phía Tây giáp đất Lâm nghiệp; phía Nam giáp đất ông Cường, Ngọc 24,5m; phía Bắc giáp đất ông Ninh, L 24,5m.

+ Tam giao chị C1 diện tích đất khác $43m^2$. Chị có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp GCNQSD theo qui định của pháp luật.

+ 01 ngôi nhà cấp 4 đồ bằng 01 tầng xây dựng năm 2005 trên thửa đất số 28, tờ bản đồ số 12, diện tích sử dụng $91m^2$; công trình vệ sinh diện tích $7,26m^2$.

Tổng giá trị tài sản: 309.873.000đ (ba trăm lẻ chín triệu tám trăm bảy ba ngàn đồng).

Chị C1 có nghĩa vụ chia 1/2 giá trị tài sản cho anh Lê Đức L là: 154.936.500đ (một trăm năm mươi tư triệu chín trăm ba sáu nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và giành quyền kháng cáo.

Ngày 30/1/2017, anh Lê Đức L có đơn kháng cáo với nội dung:

Không đồng ý việc định giá tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm vì bản thân anh chưa được biết kết quả; không đồng ý giao toàn bộ nhà đất cho chị C1; yêu cầu đưa toàn bộ tài sản chung của vợ chồng ra chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh L không yêu cầu định giá lại tài sản, các bên đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận:

- Về tài sản: Xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân gồm:

+ 01 mảnh đất diện tích $137m^2$ (trong đó đất ở $104m^2$, đất khác $43m^2$) tại phố 2 Thị trấn Lang Chánh, đã có GCNQSDĐ do UBND huyện Lang Chánh cấp mang tên chị C1 ngày 10/11/2002. Trị giá đất 156.516.000đ, trị giá căn nhà ngôi 05 gian và nhà vệ sinh trên đất 153.356.000đ. Trị giá nhà + đất: 309.873.000đ, anh L không yêu cầu định giá lại tài sản và đồng ý giao cho chị C1 tiếp tục sử dụng;

+ 01 mảnh đất diện tích $80m^2$ tại Tổ 1 thị trấn Lang Chánh, nguồn gốc đất do vợ chồng mua của bố, mẹ đẻ chị C1 là ông Nguyễn Trọng K1, bà Quách Thị K2, hai bên không yêu cầu định giá và giao cho chị C1 sử dụng.

+ 01 mảnh đất diện tích $100m^2$ tại Lô số 14- C14, mặt bằng tái định cư xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, nguồn gốc đất do bố, mẹ anh L cho vợ chồng, đã có GCNQSDĐ do UBND huyện Tĩnh Gia cấp ngày 30/5/2016 mang tên Lê Đức L, Nguyễn Thị C1, hai bên không yêu cầu định giá và giao cho anh L sử dụng.

-Về công nợ: Vợ chồng thống nhất có số nợ chung 100.000đ gồm: Nợ Ngân hàng NN&PT nông thôn huyện Lang Chánh 50.000.000đ (anh L đã thanh toán xong) và nợ ông Lê Đức N (bố anh L) 50.000.000đ.

Chị C1 có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh L với số tiền là: 154.936.500đ và 50.000.000đ để trả nợ chung của vợ chồng. Tổng số tiền chị C1 phải thanh toán cho anh L là: 204.936.500đ.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa phúc thẩm và sửa về án phí dân sự sơ thẩm (có văn bản phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Sau khi được TAND huyện Lang Chánh giải quyết công nhận thuận tình ly hôn, chị Nguyễn Thị C1 và anh Lê Đức L không tự thỏa thuận được việc chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên chị C1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản sau khi ly hôn. Vụ án được TAND huyện Lang Chánh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi xử sơ thẩm, anh L có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án tại cấp phúc thẩm giữa chị C1 và anh L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Tại cấp phúc thẩm các tài liệu, căn cứ, thông tin về nguồn gốc nhà, đất của vợ chồng tại thị trấn huyện Lang Chánh và tại xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia đã được các bên giao nộp bổ sung đầy đủ, rõ ràng. Cụ thể:

Đối với nhà đất của vợ chồng tại Tổ 1, phố 2, thị trấn Lang Chánh (thửa số 28, tờ bản đồ 12) đã có GCNQSDĐ do UBND huyện Lang Chánh cấp ngày 10/11/2002 mang tên chị C1, anh L không yêu cầu định giá lại và đồng ý tiếp tục giao chị C1 sử dụng, chị C1 có trách nhiệm thanh toán cho anh L $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất như bản án sơ thẩm đã xử là 154.936.500đ.

Đối với mảnh đất 80m² nằm chung trong thửa đất số 35a, tờ bản đồ số 1, thuộc Tổ 1, phố 1, thị trấn Cảnh Nang, gia đình ông K1, bà K2 đã được cấp GCNQSDĐ và xác nhận đã chuyển nhượng cho vợ chồng chị C1 80m² từ ngày 12/3/2014 nên giao cho chị C1 sử dụng, chị có nghĩa vụ hoàn tất thủ tục mua bán với ông K1, bà K2 để được cấp GCNQSDĐ theo quy định của Luật đất đai.

Đối với mảnh đất 100m² tại Lô14- C14, mặt bằng tái định cư xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia có nguồn gốc được bố, mẹ của anh L cho, đã có GCNQSDĐ do UBND huyện Tĩnh Gia cấp ngày 30/5/2016 mang tên vợ, chồng. Giao cho anh L sử

dụng và được quyền liên hệ với UBND huyện tỉnh Gia để đăng ký biến động về chủ sử dụng đất theo quy định.

Xét thỏa thuận của đôi bên không yêu cầu định giá hai mảnh đất và đề nghị giao mỗi bên sử dụng một mảnh là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được công nhận.

[4] Về các khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân tại cấp sơ thẩm chưa giải quyết. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng và được các bên thống nhất thỏa thuận: Cụ thể: Các khoản nợ chung do anh L hoặc chị C1 đứng ra vay tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện Lang Chánh, Ngân hàng có văn bản của xác nhận anh, chị đã thanh toán đầy đủ. Đối với khoản nợ 50.000.000đ vay của ông Lê Đức N (bố anh L), hai bên thống nhất giao cho anh L tiếp tục thanh toán.

Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các bên tại cấp phúc thẩm để giải quyết triệt để vụ án và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên (Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự).

[5] Về án phí: Do các bên thỏa thuận việc giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm nên người có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định theo nội dung thỏa thuận của các bên tại cấp phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33; Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận chia tài sản sau khi ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C1 và anh Lê Đức L tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm số 07/2017/DSST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh:

1.Xác định khối tài sản chung của chị Nguyễn Thị C1, anh Lê Đức L trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

- 01 mảnh đất diện tích 137m² (đất ở 104m², đất khác 43m²) tại Tổ 1, phố 2 Thị trấn Lang Chánh (thửa 28, tờ bản đồ 12), có GCNQSDĐ do UBND huyện Lang Chánh cấp ngày 10/11/2002 mang tên Nguyễn Thị C1. Trên đất có căn nhà ngói 05 gian và nhà vệ sinh.Trị giá nhà + đất: 309.873.000đ.

- 01 mảnh đất diện tích 80m² tại Tổ 1, phố 1, thị trấn Lang Chánh (thửa số 35a, tờ bản đồ số 01) do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trọng K1, bà Quách Thị K2 ngày 12/3/2014 (không định giá);

- 01 mảnh đất diện tích 100m² tại Lô14- C14, mặt bằng tái định cư xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, có GCNQSDĐ do UBND huyện Tĩnh Gia cấp ngày 30/5/2016 mang tên Lê Đức L, Nguyễn Thị C1 (không định giá);

2. Giao cho chị Nguyễn Thị C1 được sử dụng:

+ 01 mảnh đất diện tích $137m^2$ (đất ở $104m^2$, đất khác $43m^2$) tại Tổ 1, phố 2, thị trấn Lang Chánh (thửa 28, tờ bản đồ 12), trên đất có căn nhà ngói 05 gian và nhà vệ sinh. Trị giá nhà + đất: 309.873.000đ (Ba trăm lẻ chín triệu, tám trăm bảy ba ngàn đồng). Phía Đông giáp Q 15A 07m; phía Tây giáp đất lâm nghiệp 05m; phía Nam giáp đất ông Cường, Ngọc 24,5m; phía Bắc giáp đất ông Ninh 24,5m.

+ 01 mảnh đất diện tích $80m^2$ tại Tổ 1, phố 1, thị trấn Lang Chánh (thửa số 35a, tờ bản đồ 01) do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trọng K1, bà Quách Thị K2 ngày 12/3/2014 (không định giá).

Chị C1 có nghĩa vụ liên hệ với UBND huyện Lang Chánh để chỉnh sửa biên động diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Lang Chánh đã cấp ngày 10/11/2002 mang tên chị và hoàn tất thủ tục mua bán đất với gia đình ông K1, bà K2 để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của Luật đất đai.

3. Giao cho anh Lê Đức L được sử dụng: Diện tích đất $100m^2$ tại Lô số 14-C14, mặt bằng tái định cư xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia (không định giá), đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Tĩnh gia cấp ngày 30/5/2016 mang tên Lê Đức L, Nguyễn Thị C1.

Anh L có quyền liên hệ với UBND huyện Tĩnh Gia để được điều chỉnh thay đổi về chủ sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

4. Về công nợ: Công nhận sự thỏa thuận của anh L, chị C1:

Vợ chồng có số nợ chung trong thời kỳ hôn nhân 100.000.000đ gồm: Nợ NHNN&PT nông thôn huyện Lang Chánh 50.000.000đ (anh L đã thanh toán xong) và ông Lê Đức C1 (bố anh L) 50.000.000đ (giao anh L tiếp tục thanh toán).

5. Chị C1 có trách nhiệm thanh toán cho anh L số tiền chênh lệch chia tài sản là: 154.936.500đ và 50.000.000đ trả nợ chung của vợ chồng.

Tổng số tiền chị C1 phải thanh toán cho anh L là: 204.936.500đ (Hai trăm lẻ bốn triệu chín trăm ba sáu ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi anh L có đơn yêu cầu và được Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu chị C1 không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án.

6. Về án phí: Chi C1 phải nộp 7.747.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.250.000đ chi đã nộp theo Biên lai thu số AA/2015/005668 ngày 31/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, số tiền còn phải nộp 1.497.000đ;

Anh L phải nộp 10.246.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số AA/2015/0005694 ngày 30/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Án xử công khai, phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND huyện Lang Chánh;
- VKSND huyện lang Chánh;
- Chi cục THADS huyện Lang Chánh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh

